



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

ĐƠN VỊ TÍNH: VND

<u>TÀI SẢN</u>	<u>Mã số</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		273.563.647.072	279.964.676.222
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	23.138.628.336	48.459.107.466
1. Tiền	111		23.138.628.336	48.459.107.466
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		226.676.348.432	208.132.626.009
1. Phải thu khách hàng	131	5	150.274.233.952	149.616.942.167
2. Trả trước cho người bán	132		82.508.245.712	66.201.428.832
3. Các khoản phải thu khác	135		190.854.848	73.019.870
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.296.986.080)	(7.758.764.860)
IV. Hàng tồn kho	140	6	22.821.804.096	22.295.173.054
1. Hàng tồn kho	141		23.416.102.208	23.186.912.518
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(594.298.112)	(891.739.464)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		926.866.208	1.077.769.693
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		273.431.280	837.378.234
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		653.434.928	240.391.459
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		856.708.210.656	796.775.885.136
I. Tài sản cố định	220		736.780.416.768	691.027.971.172
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	367.352.041.088	358.199.277.282
- Nguyên giá	222		484.652.391.248	461.196.584.772
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.300.350.160)	(102.997.307.490)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	51.151.417.264	51.843.228.591
- Nguyên giá	228		87.652.036.064	84.801.832.346
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.500.618.800)	(32.958.603.755)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	318.276.958.416	280.985.465.299
II. Bất động sản đầu tư	240		33.820.324.672	26.233.563.433
- Nguyên giá	241		36.590.204.864	28.506.759.897
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.769.880.192)	(2.273.196.464)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.777.557.584	7.524.652.751
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	7.777.557.584	7.524.652.751
IV. Tài sản dài hạn khác	260		78.329.911.632	71.989.697.780
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	76.325.027.072	70.050.006.565
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.004.884.560	1.939.691.215
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.130.271.857.728	1.076.740.561.358



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010
(Tiếp theo)

ĐƠN VỊ TÍNH: VND

<u>NGUỒN VỐN</u>	<u>Mã số</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		289.079.665.856	227.837.710.716
I. Nợ ngắn hạn	310		233.404.501.056	166.293.900.575
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	94.974.820.592	71.744.354.605
2. Phải trả người bán	312		17.342.052.096	15.994.132.385
3. Người mua trả tiền trước	313		93.146.512	84.807.107
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	60.808.242.352	53.384.055.494
5. Phải trả người lao động	315		3.367.256.608	7.105.622.755
6. Chi phí phải trả	316		1.023.925.504	557.355.106
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		55.157.069.616	17.423.573.123
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	232		637.987.776	
II Nợ dài hạn	330		55.675.164.800	61.543.810.141
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	44.592.497.184	51.026.374.861
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		5.024.830.592	5.099.603.663
3. Các khoản phải trả dài hạn khác	333		5.483.788.960	5.195.229.193
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		574.048.064	222.602.424
B. NGUỒN VỐN	400		841.192.191.872	848.902.850.642
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	17	841.192.191.872	848.902.850.642
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		565.814.070.000	565.814.070.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		137.938.235.200	137.938.235.200
3. Chênh lệch tỷ giá	416		107.540.970.693	80.891.914.106
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.244.289.787	6.455.958.716
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		21.654.626.192	57.802.672.620
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.130.271.857.728	1.076.740.561.358

Hạ long ngày 22 tháng 07 năm 2010

NGƯỜI LẬP

PHÓ KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

CAO THỊ HUYỀN

VƯƠNG QUỐC VIỆT

DƯƠNG KHÁNH NAM



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2010

ĐƠN VỊ TÍNH: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm	
		2010	2009	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31.873.037.776	65.215.766.721	55.426.921.904	87.403.564.920
2. Các khoản giảm trừ	02	3.430.028.048	9.655.021.701	6.024.185.296	12.261.019.908
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	8	3.430.028.048	9.655.021.701	6.024.185.296	12.261.019.908
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	28.443.009.728	55.560.745.020	49.402.736.608	75.142.545.012
4. Giá vốn hàng bán	11	17.834.636.368	14.788.847.832	34.529.818.112	28.379.661.060
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	10.608.373.360	40.771.897.188	14.872.918.496	46.762.883.952
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.774.612.832	4.739.651.928	9.952.880.048	5.794.264.152
7. Chi phí tài chính	22	2.580.008.176	4.495.427.010	5.101.343.136	6.287.037.003
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	2.023.651.088	1.418.643.993	3.786.758.976	3.057.948.234
8. Chi phí bán hàng	24	5.640.602.656	6.353.102.844	10.199.478.160	11.551.519.905
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.923.513.664	8.873.149.341	15.043.968.352	16.459.193.016
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	4.238.861.696	25.789.869.921	(5.518.991.104)	18.259.398.180
11. Thu nhập khác	31	541.262.272	590.710.332	1.098.064.416	921.378.597
12. Chi phí khác	32	971.297.632	850.854.117	1.941.909.136	1.487.964.810
13. Lợi nhuận khác	40	(430.035.360)	(260.143.785)	(843.844.720)	(566.586.213)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3.808.826.336	25.529.726.136	(6.362.835.824)	17.692.811.967
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	4.578.462.804	-	4.578.462.804
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.808.826.336	20.951.263.332	(6.362.835.824)	13.114.349.163

Hạ long ngày 22 tháng 07 năm 2010

NGƯỜI LẬP

PHÓ KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

CAO THỊ HUYỀN

VƯƠNG QUỐC VIỆT

DƯƠNG KHÁNH NAM



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý II năm 2010

ĐƠN VỊ TÍNH: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG			
KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(6.362.835.824)	17.692.811.967
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>		16.780.984.832	
Khấu hao tài sản cố định	02	12.968.004.640	10.193.771.088
Các khoản dự phòng	03	26.221.216	7.917.051
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	2.419.888.173
Lỗi thanh lý tài sản	05	-	221.406.180
Chi phí lãi vay	06	3.786.758.976	3.057.948.234
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	10.418.149.008	33.593.742.693
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(17.845.354.800)	22.822.416.801
Giảm (tăng) hàng tồn kho	10	222.713.440	3.773.822.565
(Tăng) giảm các khoản phải trả	11	25.222.399.072	(50.309.061.633)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	187.146.048	1.210.884.978
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.464.238.160)	(3.117.385.452)
Thuế TNDN đã nộp	14	-	
Tiền chi khác cho HĐSXKD	16	(245.726.544)	
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</i>	20	10.495.088.064	7.974.419.952
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(50.114.510.960)	(49.468.243.692)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(50.114.510.960)	(49.468.243.692)
III. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	78.934.242.048	84.698.001.744
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(66.263.998.416)	(41.673.406.869)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	12.670.243.632	43.024.594.875
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(26.949.179.264)	1.530.771.135



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý II năm 2010
(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	ĐƠN VỊ TÍNH: VND	
		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		2010	2009
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	48.459.107.466	3.363.924.642
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	1.628.700.134	160.519.293
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	23.138.628.336	5.055.215.070

Hạ long ngày 22 tháng 07 năm 2010

NGƯỜI LẬP

PHÓ KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

CAO THỊ HUYÊN

VƯƠNG QUỐC VIỆT

DƯƠNG KHÁNH NAM



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

Quý II - năm 2010

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/4/2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29/12/2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15/06/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14/03/2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phiếu của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Ngày 28/01/2008, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953/GCNĐC3/22/1 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 410.319.760.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 41.031.976 cổ phần.

Ngày 01/07/2008, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký lại số 221.032.000.118 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư 2005.

Ngày 30/10/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 1 số 221.032.000.118 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 514.381.130.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 51.438.113 cổ phần.

Ngày 30/6/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 2 số 221.032.000.118 về thay đổi vốn của cổ đông sáng lập.

Ngày 22/9/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 3 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 565.814.070.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 56.581.407 cổ phần

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh

Báo cáo tài chính
Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệt theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), trên cơ sở qui đổi từ báo cáo gốc là đô la mỹ (USD) theo tỷ giá Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại ngày 31/12/2009 và 30/6/2010 là: 17941VND/1USD và 18.544 VND/1USD.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 07 năm 2009, Hội đồng Quản trị đã ban hành chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, khách chỉ được cho vay trong một hạn mức và trong một khoảng thời gian nhất định do Tổng Giám đốc quyết định. Khách hàng được cho vay dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên thời gian từ khi bắt đầu cho nợ, cụ thể như sau:

Thời gian nợ (tháng)	Tỷ lệ dự phòng (%)
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100



Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho	Phương pháp tính giá
Hàng ăn	Nhập trước - Xuất trước
Hàng giải khát	Bình quân gia quyền
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Giá đích danh
Vật tư khác	Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	35
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	5 - 12
Phương tiện vận tải	8 - 12
Tài sản khác	4 - 12

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất; 8 ha bãi cát bờ biển và 10,8 ha mặt nước tiếp giáp bờ biển tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13/08/1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư



Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 35 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm: Giá trị còn lại của các khoản chi phí trước hoạt động, giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Chi phí trước hoạt động là các khoản chi phí như: Chi phí thành lập, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo.

Chi phí trước hoạt động: Công ty đã thực hiện chính sách phân bổ chi phí trước hoạt động theo hướng dẫn tại Công văn số 392/TC-TCDN ngày 10/01/2003 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Chi phí trước hoạt động của Công ty sẽ được phân bổ cho từng hạng mục công trình căn cứ trên cơ sở tỷ lệ vốn đầu tư của mỗi công trình trong tổng số vốn đầu tư của Công ty. Đối với những công trình chưa hoàn thành và chưa đưa vào sử dụng thì chưa phân bổ chi phí trước hoạt động tương ứng. Theo đó, Công ty chưa bắt đầu thực hiện phân bổ chi phí trước hoạt động liên quan đến hạng mục khách sạn Four Points - Sheraton vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm do tại thời điểm này công trình khách sạn chưa được hoàn thành.

Chi phí trước hoạt động của các công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thì được tiếp tục phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian ba (03) năm kể từ khi bắt đầu đưa công trình vào sử dụng.

Công cụ, dụng cụ liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh được phân bổ theo tỷ lệ 30%/năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyên từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyên từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.

Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu đối với các hoạt động dịch vụ khác, như: bán hàng ăn, giải khát, bán vé trên bờ, cho thuê phòng biệt thự được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	15.834.795.776	29.288.180.152
Tiền gửi ngân hàng	7.231.455.328	19.107.021.472
Tiền đang chuyển	72.377.232	63.905.842
Cộng	23.138.628.336	48.459.107.466

5. Phải thu của khách hàng

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Địa chỉ: Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh

Báo cáo tài chính
Ngày 30 tháng 06 năm 2010

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu của khách chơi tại CLB quốc tế Hoàng gia	146.507.057.440	146.844.052.971
Phải thu các hoạt động kinh doanh khác	3.767.176.512	2.772.889.196
	150.274.233.952	149.616.942.167

6. Hàng tồn kho

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.314.855.536	18.788.766.073
Hàng hoá	4.101.246.672	4.398.146.445
	23.416.102.208	23.186.912.518
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(594.298.112)	(891.739.464)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	22.821.804.096	22.295.173.054

7. Tài sản cố định hữu hình

ĐƠN VỊ TÍNH: VND

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2010	337.446.456.116	91.908.693.030	13.289.203.697	11.983.637.127	6.568.594.802	461.196.584.772
Tại 30/06/2010	356.958.796.672	94.857.863.584	12.386.427.712	13.659.936.912	6.789.366.368	484.652.391.248
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ						
Tại 01/01/2010	48.675.260.634	34.077.601.866	10.591.469.350	6.447.295.701	3.205.679.939	102.997.307.490
Tại 30/06/2010	55.320.868.768	39.365.592.624	7.468.132.400	11.318.979.440	3.826.776.928	117.300.350.160
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2010	288.771.195.482	57.831.091.164	2.697.734.347	5.536.341.426	3.362.914.863	358.199.277.282
Tại 30/06/2010	301.637.927.904	55.492.270.960	4.918.295.312	2.340.957.472	2.962.589.440	367.352.041.088

8. Tài sản cố định vô hình

ĐƠN VỊ TÍNH: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2010	83.425.650.000	1.376.182.346	84.801.832.346
Tại ngày 30/06/2010	86.229.600.000	1.422.436.064	87.652.036.064
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2010	32.633.781.950	324.821.805	32.958.603.755
Tại ngày 30/06/2010	36.063.907.600	436.711.200	36.500.618.800
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2010	50.791.868.050	1.051.360.541	51.843.228.591
Tại ngày 30/06/2010	50.165.692.400	985.724.864	51.151.417.264

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	318.276.958.416	280.985.465.299
Cộng	318.276.958.416	280.985.465.299



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh

Báo cáo tài chính
Ngày 30 tháng 06 năm 2010

10. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là giá trị khoản tiền vốn góp vào Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia. Tương ứng với 5% vốn điều lệ của Công ty này. Tại ngày 30/6/2010 Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đang có lãi.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí trước hoạt động *	70.385.773.296	66.402.260.386
<i>Khách sạn 5 sao</i>	70.385.773.296	66.402.260.386
Công cụ, dụng cụ	2.990.683.600	3.372.387.711
Sửa chữa lớn TSCĐ	2.948.588.720	275.358.468
Cộng	76.325.027.072	70.050.006.565

Theo hướng dẫn tại Công văn số 392/TC —TCĐN ngày 10/1/2003 của Bộ tài chính, chi phí trước hoạt động của hạng mục khách sạn 5 sao chưa được phân bổ cho tới khi khách sạn này đi vào hoạt động kinh doanh. Tại ngày 30/6/2010, hạng mục này chưa đi vào hoạt động.

12. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nợ ngắn hạn	82.052.971.968	58.706.378.731
Vay dài hạn đến hạn trả	12.921.848.624	13.037.975.874
Cộng	94.974.820.592	71.744.354.605

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.509.314.880	6.016.657.878
Thuế tiêu thụ đặc biệt	38.186.769.088	32.404.675.380
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.658.568.400	14.658.568.463
Các loại thuế khác	1.453.589.984	304.153.773
Cộng	60.808.242.352	53.384.055.494

14. Các khoản vay và nợ dài hạn

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay và nợ dài hạn	44.592.497.184	51.026.374.861
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	5.024.830.592	5.099.603.663
Phải trả dài hạn khác	5.483.738.960	5.195.229.193
Doanh thu chưa thực hiện	574.048.064	222.602.424
Cộng	55.675.114.800	61.543.810.141

15. Lãi (Lỗ) từ hoạt động khác

	Giai đoạn 01/1/2010 đến 30/6/2010	Giai đoạn 01/1/2009 đến 30/6/2009
	VND	VND
Tiền thu từ thanh lý Tài sản cố định		154.310.112
Các khoản thu khác	1.098.064.416	767.038.485
Thu nhập khác	1.098.064.416	921.378.597
Giá trị còn lại của Tài sản cố định sau khi đã thanh lý		221.406.180
Các khoản chi khác	1.941.909.136	1.266.575.583
Chi phí khác	1.941.909.136	1.487.964.810
Lỗ từ hoạt động khác	(843.844.720)	(566.586.213)



16. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Luỹ kế đến QII/2010	Luỹ kế đến QII/2009
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập tính trên thu nhập tính thuế của năm hiện hành		4.578.462.804
Cộng		4.578.462.804

17. Vốn chủ sở hữu

ĐƠN VỊ TÍNH: VND

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Tổng cộng
Số dư 31/12/2009	565.814.070.000	57.802.672.620	137.938.235.200	6.455.958.716	80.891.914.106	848.902.850.642
Số dư 30/06/2010	565.814.070.000	21.654.626.192	137.938.235.200	8.244.289.787	107.541.020.693	841.192.241.872

Tình hình góp vốn của các cổ đông trong Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2010 như sau:

	31/12/2009	Tỷ lệ %	30/06/2010	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	37.966.230.000	7	37.966.230.000	7
Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khải	297.000.000.000	52	297.000.000.000	52
Tiếp				
Tổng Cty ĐT và KD vốn Nhà nước	75.140.700.000	13	75.140.700.000	13
Cổ đông khác	155.707.140.000	28	155.707.140.000	28
	565.814.070.000	100	565.814.070.000	100

18. Những thông tin khác

Hạ Long, ngày 22 tháng 07 năm 2010

Người lập

Phó kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Cao Thị Huyền

Vương Quốc Việt

Dương Khánh Nam